

Bản án số: 52/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 30-3-2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Đóa và bà Lê Thị Thanh Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 351/2025/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đinh Bạt T, sinh năm 2001; CCCD số: 040201002305

Địa chỉ: Thôn E Q, xã Q, tỉnh Nghệ An; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Trần Minh T1, sinh năm 2003; CCCD số: 040303010061

Nơi ĐKKHKT: Thôn E Q, xã Q, tỉnh Nghệ An; vắng mặt

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn C, xã Q, tỉnh Nghệ An. Hiện đang cư trú tại Nhật Bản.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2025, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, anh Đinh Bạt T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Trần Minh T1 kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc lừa dối và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q ngày 17/01/2022 nay là

UBND xã Q, tỉnh Nghệ An. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm và hay cãi nhau. Mặc dù đã cố gắng nhưng không thể hòa hợp được nên đã chọn việc sống ly thân từ tháng 10 năm 2024 đến nay, chị T1 về bên ngoại sống và sau đó đi sang nước Nhật Bản làm việc. Anh T đã nhiều lần liên hệ với chị T1 để bàn bạc về giải quyết ly hôn nhưng không được. Nay nhận thấy không còn tình cảm gì với chị T1 nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Trần Minh T1.

Về con chung, vợ chồng có 01 con chung là Đinh Thị Phương N, sinh ngày 14/12/2021, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung đều ở với anh, nên ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Trần Minh T1 vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần. Tòa án cũng đã gửi công văn cho Phòng Q – Công an tỉnh N thì được biết hiện nay: “Chị Nguyễn Trần Minh T1 xuất cảnh khỏi Việt Nam ngày 17/6/2025 và hiện tại vẫn chưa về Việt Nam”. Vì vậy, sau khi thụ lý, Tòa án đã gửi, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Công văn đề nghị gia đình chị Nguyễn Trần Minh T1 cung cấp thông tin, địa chỉ của chị T1 ở nước ngoài; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng chị T1 vẫn không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến để giải quyết nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh ông Nguyễn Văn T2 là bố đẻ của chị Nguyễn Trần Minh T1 cho biết: Anh T và chị T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q ngày 17/01/2022 và có 01 con chung tên là Đinh Thị Phương N. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau bình thường, nhưng đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân hay cãi nhau, không hợp nhau và đã sống ly thân từ đó đến nay. Chị T1 đi sang nước Nhật Bản từ tháng 6 năm 2025 và vẫn thường xuyên liên lạc với ông qua điện thoại messenger, zalo nhưng ông cũng không biết địa chỉ cụ thể của chị T1 ở bên Nhật bản. Qua thông tin trao đổi, ông T2 cho biết chị T1 cũng nhất trí ly hôn với anh T và có nguyện vọng giao con chung cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, về tài sản thì vợ chồng không có gì.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q: Anh Đinh Bạt T và chị Nguyễn Trần Minh T1 có đăng ký kết hôn tại xã UBND xã Q, huyện Q nay là xã Q, đúng quy định pháp luật. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn địa phương không nắm được, do không qua hòa giải tại cơ sở. Theo kiểm tra dữ liệu thì thấy anh T và chị T1 có 01 con chung là Đinh Thị Phương N, sinh ngày 14/12/2021, hiện tại anh

T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu N khỏe mạnh, phát triển bình thường. Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS sửa đổi bổ sung năm 2025 Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Đinh Bạt T được ly hôn chị Nguyễn Trần Minh T1; về con chung: Giao cho anh Đinh Bạt T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đinh Thị P, sinh ngày 14/12/2021, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho chị T1 vì anh T không yêu cầu. Về tài sản: Anh T, chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Đinh Bạt T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con với chị Nguyễn Trần Minh T1, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Trước khi xuất cảnh chị T1 có hộ khẩu thường trú tại Xóm E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An nay là xã Q, tỉnh Nghệ An. Nên Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ thu thập được, kết quả xác minh tại Phòng Q Công an tỉnh N và lời trình bày của ông Nguyễn Văn T2 là bố đẻ của chị Nguyễn Trần Minh T1 thì có căn cứ xác định hiện nay chị T1 đang cư trú tại nước ngoài và vẫn liên lạc về với gia đình. Chị T1 đã biết được việc anh Đinh Bạt T làm đơn xin ly hôn đối với chị T1 tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An nhưng chị T1 không cung cấp địa chỉ và gửi văn bản trình bày ý kiến về cho Tòa án. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của chị T1 cũng không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị cho Tòa án. Do đó, việc chị Nguyễn Trần Minh T1 vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối

cung cấp những tài liệu cần thiết. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025. Chị T1 đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai; anh T có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Bạt T và chị Nguyễn Trần Minh T1 có đăng ký kết hôn ngày 17/01/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Q nay là UBND xã Q, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, hôn nhân giữa anh T và chị T1 là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, theo anh T do vợ chồng không hợp nhau không có tiếng nói chung, còn theo thông tin gia đình chị T1 cung cấp thì hai bên cũng hay có tranh chấp, cãi vã và đều thống nhất việc anh T chị T1 đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Anh T cương quyết ly hôn, chị T1 cũng không mong muốn đoàn tụ với nhau nữa, hai bên không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn tình cảm vợ chồng. Nên thấy rằng mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nên cần xử cho anh Đinh Bạt T được ly hôn chị Nguyễn Trần Minh T1 là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình .

[3] Về con chung: Anh T và chị T1 có 01 con chung là Đinh Thị Phương N, sinh ngày 14/12/2021. Từ khi anh T và chị T1 sống ly thân đến nay, cháu N đều ở với anh T khỏe mạnh, phát triển bình thường. Qua ý kiến ông T2 cho thấy chị T1 cũng thống nhất để con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hơn nữa, hiện nay chị T1 đang ở nước ngoài không thể thường xuyên, trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó cần giao cháu N cho anh Đinh Bạt T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; điều kiện và nguyện vọng của các bên.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản: Quá trình giải quyết vụ án, anh Đinh Bạt T và chị Nguyễn Trần Minh T1 không có yêu cầu. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 469, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đinh Bạt T.

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đinh Bạt T được ly hôn với chị Nguyễn Trần Minh T1.

2.2. Về con chung: Giao con chung Đinh Thị Phương N, sinh ngày 14/12/2021 cho anh Đinh Bạt T được trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Trần Minh T1 vì anh T không có yêu cầu.

Chị Nguyễn Trần Minh T1 có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về quan hệ tài sản: Anh Đinh Bạt T và chị Nguyễn Trần Minh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án sẽ giải quyết khi đương sự có đơn yêu cầu bằng một vụ án dân sự khác.

2.4. Về án phí: Anh Đinh Bạt T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0003939 ngày 24/12/2025.

3. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đinh Bạt T có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Trần Minh T1 có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 4 – Nghệ An;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quỳnh Lưu (xã Quỳnh Hưng cũ nơi ĐKKH);
- Dương sự;
- Lưu HS.

Trần Ngọc Hà

